

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HS - PT.

Ngày: 17 - 02- 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương.

Các thẩm phán: Ông Hà Văn Nâu.

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Hoa - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 320/2019/TLPT-HS ngày 26/12/2019 đối với bị cáo Nguyễn Xuân T, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 176/2019/HS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1998; Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn C, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn T T1, sinh năm 1970;

Con bà Lưu Thị T2, sinh năm 1968;

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai;

Vợ con: Chưa có;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 08/3/2019, Công an thành phố Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/4/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

Trong vụ án còn có 09 bị cáo khác, 02 người bị hại và 04 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Nguyễn Xuân T, sinh năm 1998 ở thôn C, xã Đ, thành phố B có cho anh Thân Văn H, sinh năm 1983 và anh Trịnh Văn Đ, sinh năm 1983 cùng ở thôn S, xã Đ, thành phố B vay tiền, anh H vay 25.000.000 đồng, anh Đ vay 10.000.000 đồng, hình thức cho vay lãi ngày với lãi suất là 1.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến hạn không thấy anh H và anh Đ trả tiền, T đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh H và anh Đ đều khát nợ. Anh H hẹn T đến ngày 16/4/2019 sẽ trả trước cho T số tiền là 10.000.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ ngày 16/4/2019 không thấy anh H mang tiền đến trả nên T nhắn qua điện thoại cho Tạ Văn M, sinh năm 1994 ở cùng thôn, với nội dung là bảo M xuống nhà anh H lấy số tiền 10.000.000 đồng mà anh H hẹn trả T. M đồng ý, nhắn tin lại cho T là “ok”. Khoảng 18 giờ cùng ngày, M điện thoại cho anh H để đòi số tiền trên nhưng anh H chưa có tiền trả và xin khát thêm mấy ngày nữa. Thấy vậy, M gọi điện thoại cho Lê Văn H1 (tức HH), sinh năm 1993 có hộ khẩu thường trú ở Tổ T, phường L, thành phố B (H1 đang thuê nhà trọ ở thôn Đ, xã T, thành phố B, tỉnh B). Qua điện thoại, M nói cho H1 biết việc anh H chưa có tiền trả và xin khát nợ. H1 bảo M đi về nhà trọ của H1 gặp H1. M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream của khách cầm cố ở nhà T đến nhà trọ của H1. Lúc này, tại nhà trọ của H1 có Lê Văn C, sinh năm 1997 ở ngõ 79, đường V, phường T, thành phố B; Khổng Đức K, sinh năm 1998 ở thôn C, xã Đ, thành phố B; Thân Văn Q, sinh năm 1993 ở thôn A, xã S, thành phố B; Dương Văn L, sinh năm 1990 ở phố T, thị trấn B, huyện Y; Đào Văn Q1, sinh năm 1986 ở số nhà 17, ngõ 67, đường H, phường Đ, thành phố B đang ngồi ăn uống ở tầng 1. Thấy M đến, H1 bảo Q1, L, M lên phòng của H1 ở tầng 2 để nói chuyện. Tại đây, H1 bảo M, Q1 và L xuống nhà anh H để đòi nợ số tiền 10.000.000 đồng mà anh H đã hẹn trả T. H1 đưa cho L 01 chiếc gậy rút bằng kim loại, L cầm rồi đưa lại cho Q1. H1 dẫn L, Q1 và M mang theo chiếc gậy rút xuống gặp anh H để đòi nợ, nếu không có tiền trả thì vục cho anh H mấy cái vào chân hoặc tay để cảnh cáo. L, Q1 và M đồng ý. M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream, Q1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ, biển kiểm soát 98M6- 9426 của Q1 chở L đi xuống xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang tìm gặp anh H. Trên đường đi do có khách đến nhà T lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream mà M đang đi nên M bảo Q1 và L đứng đợi M ở bãi đất trống thuộc thôn Chùa, xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang. M mang chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream đang đi về nhà T trả cho khách, rồi lấy chiếc xe máy điện màu đỏ, ghi ở nhà T đi về nhà M lấy 01 chiếc gậy rút bằng kim loại quay ra khu bãi đất trống gặp Q1, L. M đưa chiếc gậy rút của M cho L cầm. Trên đường đi, M điện thoại cho anh H hỏi xem anh H đang ở đâu thì được anh H cho biết là đang ở nhà anh Thân Văn Đ1, sinh năm 1981 ở thôn S, xã Đ, thành phố B. M đưa Q1 và

L đến cổng nhà anh Đ1, rồi điện thoại báo anh H ra cổng nhà anh Đ1 nói chuyện, anh H đồng ý. Sau đó, M đi ra đầu ngõ, cách cổng nhà anh Đ1 khoảng 10 m đứng chờ. Anh H ra cổng nhà anh Đ1 gặp Q1 và L, Q1 hỏi anh H là có tiền trả hay không thì anh H xin khát nợ thêm 03 ngày nữa. Thấy anh H nói vậy, Q1 lấy chiếc gậy rút vọt 02 cái về phía chân anh H nhưng anh H tránh được. Bị Q1 dùng gậy đánh, anh H chạy vào nhà anh Đ1 cầm 01 con dao dài khoảng 40- 50 cm ra đuổi đánh Q1. Bị anh H cầm dao đuổi đánh, Q1 và L bỏ chạy ra ngoài đầu ngõ gặp M. Anh H không đuổi kịp L, Q1 nên quay vào nhà anh Đ1. M bảo Q1 và L đi xe máy điện của M ra bãi đất trống chờ để M quay lại ngõ nhà anh Đ1 lấy chiếc xe mô tô mà Q1 và L bỏ lại. Khi ra bãi đất trống, M điện thoại cho T và H1 nói lại việc M, Q1 và L gặp anh H đòi tiền thì bị anh H cầm dao đuổi đánh. Thấy vậy, T nói với M là “Anh bảo ai xuống đánh cho nó một trận cảnh cáo”. M đồng ý và nói lại với T là có H1 đang đi xuống. Sau đó, T điện thoại cho Nguyễn T T4, sinh năm 1998 (là cháu họ T) ở cùng thôn, bảo T4 mang chiếc gậy rút ba khúc ra bãi đất trống ở thôn Sòi, xã Đồng Sơn cho T. T4 hiểu việc T bảo T4 mang gậy ra cho T là để đi đánh nhau. T4 tìm ở nhà nhưng không thấy chiếc gậy rút nên T4 cầm 01 con dao bằng kim loại (dạng kiếm), chuôi quán bằng dĩnh màu đen đi xe đạp ra bãi đất trống gặp T.

Sau khi biết việc M, Q1 và L bị anh H cầm dao đuổi đánh, H1 bảo M, Q1 và L ở bãi đất trống chờ H1 xuống. H1 điện thoại cho K bảo K và C đi đến bãi đất trống ở thôn Chùa, xã Đồng Sơn gặp M và H1 xuống. Tiếp đến, H1 điện thoại báo Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2000 ở Tổ 7, phường T, thành phố B (là cháu họ của H1) đi lên nhà trọ của H1 có việc. Lúc này, Đ và bạn là Đoàn Văn T5, sinh năm 1990 ở thôn N, xã N, huyện T, tỉnh B đang đi chơi cùng nhau nên Đ bảo T cùng đi lên nhà H1, T đồng ý. Khi đến nơi, Đ và T gặp H1 và Thân Văn Q, sinh năm 1993 ở thôn A, xã S, thành phố B. Sau đó, H1 gọi 01 chiếc xe taxi của hãng Mai Linh đến, H1 lấy 01 chiếc túi đựng khoảng 07 đến 08 chiếc hung khí, gồm dao phóng lộn, đao và dao tự chế để vào trong xe taxi. H1 bảo Q, Đ và T đi theo H1 xuống xã Đồng Sơn có việc. Quý, Đ và T đồng ý. Đ đi xe taxi cùng với H1, Quý điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter chở T đi theo sau. Trong khi chờ H1 và T đến, M điện thoại cho Nguyễn Văn Y, sinh năm 1996 (là em rể M) ở thôn C, xã Đ, thành phố B. M nói với Y là “anh đang va chạm ở dưới thôn Sòi, mày ra ngã tư khu bãi đất trống thôn Chùa gần nhà ông C”. Y hiểu là M vừa xảy ra xô sát đánh nhau nên Y điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98B3-240.91 ra bãi đất trống gặp M. Tại đây, Y hỏi M là va chạm với ai, M nói là bị H, Đ ở thôn Sòi, xã Đồng Sơn cầm dao đuổi chém. Lúc này, T đến bãi đất trống, T đưa cho T4 số tiền 35.000 đồng và bảo T4 đi mua khẩu trang, T4 đồng ý. T4 cầm tiền đến cửa hàng tạp hóa của bà Tạ Thị S, sinh năm 1959 ở thôn C, xã Đ, thành phố B mua khoảng 10 chiếc khẩu trang y tế quay lại chỗ T, đưa khẩu trang và tiền thừa cho T rồi đi về nhà. T đưa số khẩu

trang cho M. Khoảng một lúc sau, H1, Q, Đ, T, C và K đến bãi đất trống, H1 bỏ túi đựng hung khí từ xe taxi xuống bãi đất trống. M đưa khẩu trang cho H1 và mọi người. Lúc này, H1 nói với mọi người là ai đi thì cầm lấy một hung khí. Thấy H1 nói vậy, T nói với mọi người là chỉ đánh cảnh cáo thôi, rồi T đi về. H1 cầm 01 gậy phóng lợn (dao phóng lợn); Q1 cầm 01 con dao dài khoảng 1m; K cầm 01 con dao; Y cầm 01 con dao (dạng kiếm) do T4 mang đến; Đ cầm 01 chiếc gậy tuýp sắt. Lúc này, mọi người đều đeo khẩu trang vào mặt, C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, biển kiểm soát 98B1-725.50 của K chở K và T; M điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98B3-240.19 của Y chở Y; L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98M6- 9424 của Q1 chở Q1; Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter chở H1 và Đ đến nhà anh Đ1 để tìm đánh anh H và anh Đ. Đến cổng nhà anh Đ1, H1, Q1, K, Y cầm dao, kiếm vào nhà anh Đ1; Đ và T đứng ở ngoài cổng; còn L, M, C, Q đỗ xe ở đầu ngõ nhà anh Đ1 chờ. Q1 đứng ở ngoài sân nhà anh Đ1, H1, K, Y đi vào nhà chính thì thấy anh H và anh Đ đang ngồi ở bàn uống nước. H1 cầm gậy phóng lợn (dao phóng lợn) chém một nhát phần sống dao vào lưng anh H rồi dùng chân đạp một nhát vào người H. Anh H chạy vào buồng nhà anh Đ1 nên H1 không đánh anh H nữa. H1 quay sang dùng sống dao phóng lợn vụt một cái vào vùng lưng anh Đ. Anh Đ chạy vào buồng nhà anh Đ1. Y vào buồng nhà anh Đ1 kéo anh Đ ra nhưng anh Đ không ra nên Y dùng sống dao chém một nhát vào cánh tay phải anh Đ. Anh Đ không chịu ra ngoài, H1 cầm dao khua khoắng chém 01 nhát vào vùng đầu anh Đ. Tiếp đến, H1 dùng dao dí vào vùng cổ, gáy anh Đ và cùng Y, K bắt anh Đ và anh H đi ra gian nhà ngoài. Anh Đ sợ bị đánh nên đóng cửa chính nhà anh Đ1 lại. Thấy vậy K, H1 và Y cầm dao, kiếm chọc qua xen hoa cửa gây các thương tích ở tay của anh Đ. Thấy quần chúng nhân hô hoán nên H1, K, Y và Q1 đi ra ngoài rồi cùng L, M, C, Q, Đ và T lên xe mô tô đi về. Trên đường về, H1 và M bảo mọi người vắt hết các hung khí ở bụi cây ven đường rồi cả nhóm đến quán Victoria ở xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang hát karaoke đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì đi về nghỉ.

Ngày 17/4/2019, anh Thân Văn H và anh Trịnh Văn Đ có đơn đề nghị khởi tố đối với các đối tượng có hành vi gây thương tích cho các anh.

Cùng ngày 17/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang đã giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Tạ Văn M, Đào Văn Q1, Dương Văn L, Thân Văn Q, Lê Văn C, Khổng Đức K và Nguyễn Xuân T. Ngày 19/4/2019 và 20/4/2019, Nguyễn Văn Y và Nguyễn Thanh T đến Công an thành phố Bắc Giang đầu thú.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Xuân T và Lê Văn H1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang thu giữ tại nơi ở của T gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 20A8016136; 01 giấy chứng nhận đủ an ninh trật tự số 381; 01 giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC & CHCN;

01 biên bản công tác an toàn PCCC & CHCN; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98B3- 005.50; 01 giấy biên nhận thể chấp ngân hàng xe ô tô biển kiểm soát 98A-158.54; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 4699765 của xe ô tô biển kiểm soát 98A-158.54; 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2 số 24017474022222; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm số 003595635 của xe ô tô biển kiểm soát 98A-158.54 đều mang tên Nguyễn Xuân T; 01 quyển sổ dòng kẻ ngang, trong có một mặt giấy viết chữ mực màu xanh; 01 giấy biên nhận vay tiền đề ngày 24/6/2018; 63 tờ giấy có in hình ảnh chân dung người (màu đen trắng) và có in dòng chữ “về trả nợ cho các anh 0865920535”; 27 tờ giấy có in dòng chữ nội dung “Tiền con ông Soạn, trú tại thôn Sòi, xã Đồng Sơn, TP. Bắc Giang, trốn ở đâu về trả nợ cho các bố 0865920535”. Thu giữ tại nơi ở của H1 gồm: 01 gậy nhựa hình trụ, quấn băng dính màu đen dài 01 m, đường kính 2,5 cm; 01 thanh kiếm dài 90 cm, lưỡi bằng kim loại sắc nhọn dài 67 cm và rộng 03 cm, chuôi bằng gỗ quấn băng dính màu đen và dây vải màu đỏ, hình trụ dài 23 cm, đường kính 04 cm; 01 gậy rút ba khúc bằng kim loại dài 63 cm.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Giang tạm giữ các công cụ, phương tiện, đồ vật và tài liệu liên quan đến vụ án gồm: 01 gậy phóng lộn bằng kim loại dài 106 cm, đầu có gắn một lưỡi dao nhọn dài 24 cm; 01 con dao tự chế bằng kim loại dài 143 cm, có chuôi cầm dài 93cm và lưỡi dao dài 50 cm; 01 con dao tự chế bằng kim loại dài 97,5 cm, có chuôi cầm dài 42,5 cm và lưỡi dao dài 55 cm; 01 con dao bằng kim loại dài 74 cm, có chuôi cầm bằng gỗ dài 16 cm và lưỡi dao dài 58 cm; 01 con dao tự chế, có chuôi cầm bằng gỗ quấn băng dính màu đen dài 23 cm và lưỡi dao dài 40 cm; 01 con dao có chuôi bằng gỗ dài 20 cm và lưỡi dao dài 44 cm; 01 con dao có chuôi bằng gỗ dài 18,5 cm và lưỡi dao dài 50,5 cm; 01 con dao tự chế có chuôi dao bằng gỗ dài 62 cm, lưỡi dao dài 46 cm; 01 tấm vải hoa đã cũ; 01 chứng minh nhân dân số 122174126 mang tên Lê Văn H1; 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ, biển kiểm soát 98M6- 9426; 01 xe mô tô nhãn hiệu Hoda Wave màu trắng, đen, bạc, biển kiểm soát 98B3- 240.91; 01 đăng ký của xe mô tô biển kiểm soát 98B3- 240.91; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu xanh đen có Imei là 353511100702348 của H1; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng của T4.

Sau khi bị chém gây thương tích, anh Trịnh Văn Đ được cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang đến ngày 19/4/2019 thì ra viện; anh Thân Văn H không phải đi điều trị tại cơ sở y tế nào. Tại giấy chứng nhận thương tích ngày 25/4/2019 Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang xác nhận tình trạng thương tích của anh Trịnh Văn Đ lúc vào viện như sau: Tỉnh, tiếp xúc được; Vết thương vùng trán phải, kích thước (04x01)cm, lộ xương sọ, có đường vỡ xương; 02 vết thương vùng cẳng tay phải, kích thước 1.5 cm; Vết thương vùng gáy, kích thước (02x01)cm; CT- Scanner: vỡ lún xương trán phải kèm tụ ít khí nội sọ.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 8810/19/TgT ngày 18/4/2019, Trung tâm Pháp y Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của anh Trịnh Văn Đ hiện tại là 21%. Thương tích do vật sắc gây nên.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 8811/19/TgT ngày 18/4/2019, Trung tâm Pháp y Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của anh Thân Văn H hiện tại là 2%. Thương tích do vật sắc gây nên.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 8810/19/TgT ngày 18/4/2019, Trung tâm Pháp y Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang chưa đánh giá được các vết thương ở cánh tay trái, khuỷu tay trái của anh Đ do các vết thương chưa liền sẹo. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Giang ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung để giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với các vết thương ở cánh tay trái, khuỷu tay trái của anh Đ. Tuy nhiên anh Đ đã từ chối giám định các thương tích trên.

Đối với Lê Văn H1, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 15/5/2019, H1 bị bắt giữ theo Quyết định truy nã số 07 ngày 02/5/2019 của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Giang.

Đối với Nguyễn Minh Đ và Đoàn Văn T5 được Lê Văn H1 gọi đi cùng. Quá trình điều tra xác định, khi bảo Đ và T đi cùng thì H1 không nói trước cho Đ và T biết là đi đánh nhau. Cơ quan điều tra đã triệu tập Đ và T lên làm việc, nhưng hiện Đ và T không có mặt tại địa phương nên chưa làm rõ vai trò đồng phạm của Đ và T. Để đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Giang tách hành vi của Đ và T ra để tiếp tục điều tra xác minh làm rõ để xử lý theo quy định.

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 20A8016136; 01 giấy chứng nhận đủ an ninh trật tự số 381; 01 giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC & CHCN; 01 biên bản công tác an toàn PCCC & CHCN; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98B3- 005.50; 01 giấy biên nhận thế chấp ngân hàng xe ô tô biển kiểm soát 98A-158.54; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 4699765 của xe ô tô biển kiểm soát 98A-158.54; 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2 số 24017474022222; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm số 003595635 của xe ô tô biển kiểm soát 98A-158.54 đều mang tên Nguyễn Xuân T; 01 quyển sổ dòng kẻ ngang, trong có một mặt giấy viết chữ mực màu xanh; 01 giấy biên nhận vay tiền đề ngày 24/6/2018. Quá trình điều tra xác định những giấy tờ trên là của Nguyễn Xuân T, không liên quan đến hành vi phạm tội, ngày 12/8/2019 Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Giang ra quyết định xử lý vật chứng trả lại những giấy tờ trên cho ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1970 ở thôn C, xã Đ, thành phố B, tỉnh B là người được T ủy quyền nhận lại những giấy tờ trên.

Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Xuân T đã thỏa thuận, bồi thường cho anh Trịnh Văn Đ số tiền 30.000.000 đồng. Đến nay anh Đ và anh H không yêu cầu bồi thường gì khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với T.

Vật chứng của vụ án gồm: 63 tờ giấy có in hình ảnh chân dung người và có in dòng chữ “về trả nợ cho các anh 0865920535”; 27 tờ giấy có in dòng chữ nội dung “Tiền con ông Soạn, trú tại thôn Sòi, xã Đồng Sơn, TP. Bắc Giang, trốn ở đâu về trả nợ cho các bố 0865920535”, Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Giang chuyển theo hồ sơ vụ án. Các vật chứng còn lại gồm: 01 gậy phóng lợn bằng kim loại dài 106 cm, đầu có gắn một lưỡi dao nhọn dài 24 cm; 01 con dao tự chế bằng kim loại dài 143 cm, có chuôi cầm dài 93 cm và lưỡi dao dài 50 cm; 01 con dao tự chế bằng kim loại dài 97,5 cm, có chuôi cầm dài 42,5 cm và lưỡi dao dài 55 cm; 01 con dao bằng kim loại dài 74 cm, có chuôi cầm bằng gỗ dài 16 cm và lưỡi dao dài 58 cm; 01 con dao tự chế, có chuôi cầm bằng gỗ quấn băng dính màu đen dài 23 cm và lưỡi dao dài 40cm; 01 con dao có chuôi bằng gỗ dài 20 cm và lưỡi dao dài 44 cm; 01 con dao có chuôi bằng gỗ dài 18,5 cm và lưỡi dao dài 50,5 cm; 01 con dao tự chế có chuôi dao bằng gỗ dài 62 cm, lưỡi dao dài 46 cm; 01 tấm vải hoa đã cũ; 01 CMND số 122174126 mang tên Lê Văn H1; 01 xe mô tô màu đỏ, biển kiểm soát 98M6-9426; 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu trắng, đen, bạc, biển kiểm soát 98B3-240.91; 01 đăng ký của xe mô tô biển kiểm soát 98B3-240.91; 01 gậy nhựa hình trụ quấn băng dính màu đen dài 01 m, đường kính 2,5 cm; 01 thanh kiếm dài 90 cm, lưỡi bằng kim loại sắc nhọn dài 67 cm và rộng 03 cm, chuôi bằng gỗ quấn băng dính màu đen và dây vải màu đỏ, hình trụ dài 23 cm, đường kính 04 cm; 01 gậy rút ba khúc bằng kim loại dài 63 cm; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Itel màu xanh, đen có số Imei là 353511100702348; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, được nhập kho vật chứng để xử lý.

Bản cáo trạng số 146/CT-VKS ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang truy tố các bị cáo Lê Văn H1, Nguyễn Văn Y, Khổng Đức K, Tạ Văn M, Nguyễn Xuân T, Đào Văn Q1, Dương Văn L, Thân Văn Quý, Lê Văn C và Nguyễn Thanh T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 176/2019/HS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2019.

Ngoài ra bản án còn tuyên về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26 /11 /2019 bị cáo Nguyễn Xuân T nộp đơn kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Xuân T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không đưa ra được căn cứ, lý do xin giảm nhẹ.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Xuân T không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo Nguyễn Xuân T nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi phạm tội của bị cáo là sai, bị cáo mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về đoàn tụ cùng gia đình làm ăn lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T đã được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Xuân T thì thấy: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 16/4/2019, tại nhà anh Thân Văn Đ1, sinh năm 1981 ở thôn Sòi, xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ, bị cáo Lê Văn H1, Nguyễn Văn Y, Khổng Đức K, Tạ Văn M, Nguyễn Xuân T, Đào Văn Q1, Dương Văn L, Thân Văn Quý, Lê Văn C và Nguyễn Thanh T đã cùng nhau có hành vi cố ý gây thương tích đối với anh Thân Văn H, sinh năm 1983 và anh Trịnh Văn Đ, sinh năm 1983 đều ở thôn Sòi, xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang. Cụ thể Nguyễn Xuân T là người chuẩn bị khẩu trang và bảo các đối tượng đi đánh nhau; Lê Văn H1 trực tiếp dùng dao chém một nhát vào đầu, dí dao vào cổ, gáy anh Trịnh Văn Đ và chém một nhát vào lưng anh Thân Văn H; Nguyễn Văn Y dùng dao chém một nhát vào tay phải anh Trịnh Văn Đ; sau đó Khổng Đức K, Lê Văn H1 và Nguyễn Văn Y cầm dao, kiếm chọc qua xen hoa cửa gây các thương tích ở tay của anh Đ; Lê Văn C, Tạ Văn M, Dương Văn L, Thân Văn Quý, Đào Văn Q1, Nguyễn Thanh

T là những người giúp sức cho Lê Văn H1, Nguyễn Văn Y, Không Đức K đánh anh H và anh Đ. Hậu quả anh Đ bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 21%; anh H bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 02%.

Bị cáo Nguyễn Xuân T với vai trò là đồng phạm giúp sức không trực tiếp gây thương tích cho anh Đ và anh H không phải chịu tình tiết định khung hình phạt (thuộc trường hợp có tích chất côn đồ) theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; theo Án lệ số 17/2018/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Xuân T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (thuộc trường hợp có tích chất côn đồ). Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Xuân T về tội về tội “Cố ý gây thương tích”, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T thấy: Tại phiên tòa, bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm hình phạt nên các vấn đề khác của án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, HĐXX phúc thẩm không đặt ra giải quyết.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Án sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định sau khi phạm tội, bị cáo đầu thú, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Xuân T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, thể hiện sự coi thường pháp luật của Nhà nước. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải nghiêm trị bằng pháp luật hình sự, cần lên một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để răn đe và phòng ngừa chung. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 02 năm 03 tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội, không nặng đối với bị cáo.

Tại quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Xuân T không xuất trình được các tình tiết gì mới, do vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, cần giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T

không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2019.

[2]. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm

[3]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Gia Lương